

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2025
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Y Mung Niê.

- Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắc Lắc tham gia phiên toà:
Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (cũ), tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc: *Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm M mới, xã P, huyện H, tỉnh Nghệ An (nay là xã L, tỉnh Nghệ An) – vắng mặt (chị L có đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Huy H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Huy H – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắc Lắc.

Địa chỉ: Số 4 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắc Lắc (nay là số 4 đường H, phường B, tỉnh Đắc Lắc) - có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (nay là Thôn K, xã Kr, tỉnh Đắc Lắc) - vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C chung sống với nhau từ khoảng tháng 02/1999 tại Thôn K, xã C, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn K, xã Kr, tỉnh Đắk Lắk). Từ năm 2021 đến nay chị L và anh C đã không còn chung sống, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, Thông xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh C có 04 người con chung là Đặng Thị Thanh Tr, sinh ngày 22/10/2001, Đặng Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2004, Đặng Văn Th1, sinh ngày 16/5/2005, đến nay 03 con đã đủ 18 tuổi nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con là Đặng Văn H1, sinh ngày 07/6/2013, hiện nay con do anh C trực tiếp nuôi dưỡng nên chị L đồng ý giao con cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng ý các ý kiến nguyên đơn đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến bổ sung gì thêm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đặng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm. Thực tế không còn chung sống từ năm 2021 đến nay, anh C đồng ý việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C.

Về con chung: Anh C, chị L có 04 con chung là Đặng Thị Thanh Tr, sinh ngày 22/10/2001, Đặng Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2004, Đặng Văn Th1, sinh ngày 16/5/2005, đến nay 03 con đã đủ 18 tuổi nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con là Đặng Văn H1, sinh ngày 07/6/2013, đang sống cùng anh C và học tập tại thôn K, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Anh C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75, 76 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C.

Về con chung: Đối với các con chung là Đặng Thị Thanh Tr, sinh ngày 22/10/2001, Đặng Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2004, Đặng Văn Th1, sinh ngày 16/5/2005, đều đã đủ 18 tuổi chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Giao con chung là Đặng Văn H1, sinh ngày 07/6/2013 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị L và anh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn, không chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Tân có 04 người con chung, trong đó các con là Đặng Thị Thanh Tr, sinh ngày 22/10/2001, Đặng Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2004, Đặng Văn Th1, sinh ngày 16/5/2005, đến nay 03 con đã đủ 18 tuổi, chị L và anh C đều không yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

Đối với con là Đặng Văn H1, sinh ngày 07/6/2013, chị L yêu cầu được giao cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh C cũng đồng ý và cháu H1 cũng có ý kiến muốn được ở với anh C nên cần giao cháu H1 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp quy định khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002140 ngày 01/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Đắk Lắk) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là Đặng Văn H1, sinh ngày 07/6/2013 cho anh Đặng Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Đối với các con chung là Đặng Thị Thanh Tr, sinh ngày 22/10/2001, Đặng Thị Thanh Th, sinh ngày 20/01/2004, Đặng Văn Th1, sinh ngày 16/5/2005 đều đã đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002140

ngày 01/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Đắk Lắk).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân